

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2023

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm 1981. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ10, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Ngọc T1, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ10, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:***

Chị và anh Thái Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2006; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thiếu sự thông cảm, chia sẻ, khác nhau về sinh hoạt hàng ngày và lối sống, do anh T1 theo chùa niệm Phật ăn chay, chữa trị bệnh không theo y học. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm trở lại đây nhưng

không thể hàn gắn. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đến nay quá trầm trọng và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung tên là Thái Hoàng H, sinh ngày 09/6/2007 và Thái Hoàng Th, sinh ngày 16/5/2014. Chị có nguyện trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái Hoàng Th; để anh T1 nuôi dưỡng con chung Thái Hoàng Hà. Không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Thái Ngọc T1 trả số tiền mặt 90.000.000đ. Chị và anh T1 không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin rút một phần, thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/6/2023 chị T trình bày: Chị yêu cầu được ly hôn với anh T1, để anh T1 nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Thái Ngọc T1 tại lời khai ngày 24/5/2023 trình bày:** Xác nhận anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2005; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra cãi, xô xát trầm trọng, nhưng trong vòng 02 năm trở lại đây chị T ít quan tâm gia đình và thường hay đi chơi xa; chị T tự ra ngoài sống riêng. Hiện nay anh mong muốn đoàn tụ gia đình nên chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Xác nhận có 02 con chung như chị T trình bày là đúng, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết, không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của chị T.

Anh T1 xin giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án. Sau khi chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết các đương sự có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T:

Hội đồng xét xử thấy: Chị Hà Thị T và anh Thái Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2006; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 quyền số 02 ngày 22/9/2006. Vì vậy,²

quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn: Anh T1 và chị T đều thừa nhận mặc dù trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra cãi vã, xô xát trầm trọng, nhưng vợ chồng đều thiếu sự thông cảm, chia sẻ, không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình và lối sống hàng ngày; hai bên đã sống ly thân hơn 01 năm trở lại đây nhưng không thể hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án phía chị T cương quyết ly hôn, còn phía anh T1 có nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng sau đó lại đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định, không đưa ra được phương hướng giải pháp đoàn tụ cụ thể. Vì vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên là Thái Hoàng H, sinh ngày 09/6/2007 và Thái Hoàng Th, sinh ngày 16/5/2014. Hiện nay các bên thống nhất để anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng. Căn cứ ý kiến các con chung thể hiện đều có nguyện vọng được ở với anh T1, do hiện nay có nhà ở ổn định, thuận tiện học hành. Vì vậy, cần thiết giao các con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Phía chị T có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết chị T rút yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 90.000.000đ, xét thấy việc rút đơn là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên cần đình chỉ theo quy định. Chị T có quyền khởi kiện lại bằng một vụ việc khác theo quy định.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều

218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; chị Hà Thị T được ly hôn với anh Thái Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao các con chung Thái Hoàng H, sinh ngày 09/6/2007 và Thái Hoàng Th, sinh ngày 16/5/2014 cho anh Thái Ngọc T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Hà Thị T đối với yêu cầu được chia số tiền 90.000.000đ.

Chị Hà Thị T có quyền khởi kiện lại yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung bằng một vụ việc khác theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 2.550.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001029 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Hà Thị T được nhận lại số tiền 2.250.000đ tạm ứng án phí còn lại.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã Đak Nhau;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình